

Số: 2053 /QĐ-KHTN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận NCS, tên đề tài và Người hướng dẫn NCS năm 2026- đợt 1

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-ĐHQG ngày 25 tháng 06 năm 2025 của Giám đốc Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định thi điểm một số nội dung về đào tạo trình độ tiến sĩ tại ĐHQG-HCM;

Căn cứ Quyết định số 2996/QĐ-KHTN ngày 29 tháng 09 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc ban hành Quy định chương trình và tổ chức đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1911/QĐ-KHTN ngày 25/06/2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM về việc phê duyệt danh sách ứng viên trúng tuyển chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ năm 2026- đợt 1;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận 62 Nghiên cứu sinh, tên đề tài luận án và Người hướng dẫn luận án tiến sĩ, hệ chính quy, khóa năm 2026- đợt 1, tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM.

Danh sách Nghiên cứu sinh, tên đề tài, Người hướng dẫn và kế hoạch học tập đính kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Nghiên cứu sinh và Người hướng dẫn được hưởng các quyền lợi và nhiệm vụ theo quy định hiện hành của quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Các Đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /N

Nơi nhận

- Như điều 4;
- ĐHQG-HCM (để báo cáo);
- Lưu: VT, SDH.

HIỆU TRƯỞNG

Trần Lê Quan

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
1	26N11101	Nguyễn Thành Giang	Nam	27/03/1982	9480101	Khoa học máy tính	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Khai khoáng tài liệu song song Hán Nôm-Quốc ngữ trong y học cổ truyền Việt Nam	HDC: PGS.TS. Đinh Điền Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Hồng Bửu Long Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
2	26N11102	Trương Phước Lộc	Nam	27/12/1986	9480101	Khoa học máy tính	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Thuật toán đối sánh bản đồ cho các quỹ đạo có tốc độ lấy mẫu thấp	HDC: TS. Trần Duy Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Võ Tuấn Huy Tiny Fish INC
3	26N11103	Lê Viết Long	Nam	25/08/1987	9480101	Khoa học máy tính	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu lý thuyết tính toán phân tán và ứng dụng trong công nghệ chuỗi khối và bảo mật hướng đến nông nghiệp thông minh	TS. Bùi Văn Thạch Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
4	26N11104	Văn Chí Nam	Nam	01/06/1982	9480101	Khoa học máy tính	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu mô hình ngôn ngữ nhỏ để đánh giá kết quả học tập của người học	HDC: TS. Nguyễn Tiến Huy Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Lê Thanh Tùng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
5	26N11105	Hồ Tuấn Thanh	Nam	12/08/1987	9480101	Khoa học máy tính	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Các giải thuật xử lý có thể mở rộng trên đồ thị dữ liệu lớn thay đổi theo thời gian	HDC: TS. Trần Duy Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Võ Tuấn Huy Tiny Fish INC
6	26N12101	Nguyễn Minh Vi	Nữ	01/09/1982	9480104	Hệ thống thông tin	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Mô hình phân tích học tập dựa trên đồ thị tri thức cho dự báo và giải thích kết quả học tập sinh viên	HDC: TS. Nguyễn Trần Minh Thu Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
7	26N15101	Đoàn Minh Khuê	Nam	29/08/1989	9480107	Trí tuệ nhân tạo	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Phát triển các phương pháp hiệu quả để khai thác mẫu hữu ích trên các luồng dữ liệu định lượng	HDC: PGS.TS. Dương Văn Hải Trường Đại học Đà Lạt ĐHD: GS.TS. Lê Hoài Bắc Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
8	26N21101	Trần Thị Ngọc Giàu	Nữ	12/09/1980	9460104	Đại số và lý thuyết số	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nhóm tuyển tính lũy linh suy rộng trên vành	HDC: GS.TS. Bùi Xuân Hải Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Trịnh Thanh Đào Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
9	26N22101	Trần Hòa Phú	Nam	11/01/1993	9460102	Toán giải tích	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Các bài toán biên cho phương trình sóng phi tuyến với điều kiện biên phi tuyến phi địa phương	HDC: TS. Nguyễn Anh Triết Trường ĐH Kiến Trúc, TP.HCM ĐHD: TS. Nguyễn Thị Hoài Thương Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
10	26N22102	Dương Thị Mộng	Nữ	12/07/1981	9460102	Toán giải tích	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Các bài toán phi địa phương đối với phương trình parabolic và giả parabolic phi tuyến	HDC: TS. Nguyễn Thành Long Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Đăng Khoa Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
11	26N22103	Phan Tắt Tín	Nam	03/07/1991	9460102	Toán giải tích	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Một số phương pháp số bậc cao cho các bài toán nhiễu kỳ dị	HDC: TS. Mai Quang Vinh Trường ĐH Ngân Hàng TP.HCM ĐHD: TS. Lê Ánh Hạ Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
12	26N24101	Vũ Thế Anh	Nam	22/05/2001	9460112	Toán ứng dụng	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Một số bài toán ngược trên miền không bị chặn	HDC: PGS.TS. Nguyễn Huy Tuấn Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM ĐHD: TS. Lê Ánh Hạ Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
13	26N24102	Nguyễn Điệp	Nam	14/08/1978	9460112	Toán ứng dụng	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu một số lớp phương trình vi phân phân thứ ngẫu nhiên	HDC: TS. Hồ Vũ Trường ĐH Ngân hàng TP.HCM ĐHD: TS. Trần Thị Khiếu Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
14	26N24103	Trần Thị Thùy Dương	Nữ	18/05/1994	9460112	Toán ứng dụng	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Cấu trúc nghiệm của các mô hình tối ưu và những vấn đề liên quan	HDC: GS.TS. Lâm Quốc Anh Trường Sư phạm, Đại học Cần Thơ ĐHD: PGS.TS. Nguyễn Lê Hoàng Anh Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
15	26N24104	Đoàn Hữu Hiệu	Nam	31/07/2000	9460112	Toán ứng dụng	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Các tính chất chính quy và cực trị trong giải tích biến phân và một số vấn đề liên quan	HDC: TS. Nguyễn Duy Cường Trưởng Khoa học tự nhiên, ĐH Cần Thơ ĐHD: PGS.TS. Võ Sĩ Trọng Long Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
16	26N24105	Nguyễn Bình Thành	Nam	06/10/1986	9460112	Toán ứng dụng	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Một số vấn đề mở rộng đối với mô hình mạng nơ-ron Hopfield	HDC: PGS.TS. Lê Xuân Trường Đại học Kinh Tế, TP.HCM ĐHD: PGS.TS. Võ Sĩ Trọng Long Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
17	26N24106	Phạm Trần Anh	Nữ	29/07/1999	9460112	Toán ứng dụng	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Dạng điều kiện nghiệm của các mô hình tối ưu và những vấn đề liên quan	HDC: GS.TS. Lâm Quốc Anh Trưởng Sư phạm, ĐH Cần Thơ ĐHD: PGS.TS. Võ Sĩ Trọng Long Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
18	26N33101	Vũ Ngọc Ba	Nam	23/02/1989	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu cơ chế vận chuyển, tích tụ hạt nhân phóng xạ từ đất lên thực vật dựa trên tối ưu phân tích phổ gamma và đánh giá rủi ro bức xạ hệ sinh thái	HDC: PGS.TS. Trương Thị Hồng Loan Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Huỳnh Trúc Phương Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
19	26N33102	Trần Văn Phúc	Nam	14/02/1986	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu nâng cao chất lượng ảnh PET phối liều thấp dựa trên mô hình học sâu	TS. Hoàng Thị Kiều Trang Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
20	26N33103	Võ Anh Tuấn	Nam	16/09/1994	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu ứng dụng mạng nơ-ron tích hợp vật lý cho mô phỏng và tối ưu hóa học cộng hưởng gom chùm trên máy LINAC sóng S	PGS.TS. Trần Thiện Thanh Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
21	26N33104	Huỳnh Trúc Vân	Nữ	14/10/2001	9440106	Vật lý nguyên tử và hạt nhân	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu sự phân bố của các đồng vị phóng xạ và kim loại trong trầm tích, kết hợp đánh giá các chỉ số ô nhiễm và rủi ro tiềm ẩn đối với sức khỏe con người	HDC: PGS.TS. Huỳnh Trúc Phương Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Phan Long Hồ Viện Y tế Công cộng TPHCM
22	26N35101	Phạm Thị Minh	Nữ	20/01/1983	9440111	Vật lý địa cầu	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu đặc điểm thống kê của phân bố kích thước giọt mưa và độ phản xạ radar nhằm cải thiện ước lượng định lượng mưa ở miền nam Việt Nam	HDC: PGS.TS. Lê Văn Anh Cường Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Frédéric Cazenave UGA- IGE
23	26N35102	Nguyễn Ngọc Trường	Nam	16/08/1990	9440111	Vật lý địa cầu	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp giải ngược trọng lực trong xác định độ sâu Moho tại một số khu vực thuộc Biển Đông	HDC: PGS.TS. Lê Văn Anh Cường Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Phạm Thành Luân Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HN
24	26N38101	Bùi Hoàng Minh	Nam	22/05/1988	9520104	Vật lý kỹ thuật	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Điều khiển tối ưu thông minh cho máy bay không người lái tự hành	HDC: TS. Trần Thanh Phong Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
25	26N38102	Huỳnh Hữu Pho	Nam	19/12/1978	9520104	Vật lý kỹ thuật	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu các phương pháp điều khiển thông minh và tối ưu hóa cho hệ thống robot	HDC: TS. Trần Thanh Phong Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Huỳnh Văn Tuấn Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
26	26N38103	Lê Văn Toàn	Nam	25/12/1996	9520104	Vật lý kỹ thuật	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Xây dựng một hệ thống hỗ trợ chẩn đoán bằng máy tính cho nhũ ảnh dùng kỹ thuật xử lý ảnh và trí tuệ nhân tạo	HDC: PGS.TS. Đặng Văn Liệt Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Chí Nhân Trưởng ĐH KHTN, ĐHQG-HCM

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
27	26N38104	Trương Hữu Lý	Nam	13/12/1980	9520104	Vật lý kỹ thuật	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu và chế tạo cảm biến khí MEMS thế hệ mới trên nền vật liệu 2D Mxene, g-C ₃ N ₄	PGS.TS. Vũ Thị Hạnh Thu Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
28	26N41101	Nguyễn Thái Công	Nam	10/10/1995	9440105	Vật lý vô tuyến và điện tử	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Kỹ thuật beamforming dựa trên học sâu trong các hệ thống truyền thông không dây tiên tiến	HDC: TS. Đặng Lê Khoa Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Minh Trí Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
29	26N43101	Trần Tuấn Kiệt	Nam	15/10/1995	9520202	Thiết kế vi mạch	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu kiến trúc bộ tăng tốc phần cứng thích nghi và cấu hình linh hoạt hiệu quả cho AI biên	HDC: TS. Huỳnh Hữu Thuận Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: GS.TS. Phạm Công Kha Trường ĐH Điện tử-Truyền thông Nhật Bản
30	26N43102	Mã Khải Minh	Nam	28/04/2000	9520202	Thiết kế vi mạch	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Thiết kế hệ thống AI bảo mật dựa trên CPU RISC-V đa lõi và bộ tăng tốc AI cho thiết bị AI-IoMT	HDC: PGS.TS. Lê Đức Hùng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: GS.TS. Phạm Công Kha Trường ĐH Điện tử-Truyền thông Nhật Bản
31	26N51101	Hùng Thủy Chi	Nữ	06/10/1997	9440114	Hóa hữu cơ	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của hai loài rong họ Solieriaceae: Rong sụn (<i>Kappaphycus alvarezii</i>) và rong bắp sù (<i>Kappaphycus striatus</i>)	HDC: TS. Ngô Thị Thùy Dương Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Tôn Thất Quang Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
32	26N51102	Nguyễn Xuân Hải	Nam	22/01/1987	9440114	Hóa hữu cơ	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của cây vong nem (<i>Erythrina orientalis</i>) và hạt chuối cô đơn (<i>Ensete glaucum</i>)	HDC: GS.TS. Nguyễn Thị Thanh Mai Đại học Quốc gia TPHCM HDP: GS.TS. Nguyễn Trung Nhân Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
33	26N51103	Nguyễn Xuân Khánh	Nam	22/09/1992	9440114	Hóa hữu cơ	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của hai loài thuộc Họ Hoa môi (<i>Lamiaceae</i>): Tầm lá dây (<i>Plectranthus Amboinicus</i>) và Sùng thảo (<i>Stachys Affinis</i>)	HDC: PGS.TS. Tôn Thất Quang Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: PGS.TS. Đặng Hoàng Phú Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
34	26N51104	Nguyễn Phú Thịnh	Nam	29/06/1992	9440114	Hóa hữu cơ	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu phân lập hợp chất thiên nhiên và đánh giá hoạt tính sinh học cây Đước dổi (<i>Rhizophora apiculata</i> Blume)	HDC: TS. Nguyễn Thị Ý Nhi Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Trần Lê Quan Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
35	26N51105	Châu Thị Nhã Trúc	Nữ	24/01/1988	9440114	Hóa hữu cơ	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu đặc điểm tích lũy thành phần hóa học và đánh giá hoạt tính sinh học của Sâm Lai Châu (<i>Panax vietnamensis</i> var. <i>fuscidicus</i>)	HDC: PGS.TS. Tôn Thất Quang Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: GS.TS. Trần Công Luận Trường Đại học Tây Đô
36	26N52101	Lê Thị Hoa	Nữ	22/02/1998	9440118	Hóa phân tích	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Sự hiện diện, nguồn phát thải và nguy cơ đối với sức khỏe của các hợp chất hữu cơ mới nổi trong bụi không khí tại thành phố Hồ Chí Minh	HDC: PGS.TS. Tô Thị Hiền Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Huy Du Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
37	26N53101	Đoái Hoàng Đạo	Nam	16/11/1995	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu tính chất hóa-lý của hệ oxide kim loại chuyển tiếp ứng dụng làm điện cực cho phản ứng điện phân nước	HDC: PGS.TS. Trần Văn Mẫn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Mai Văn Thanh Tâm Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
38	26N53102	Nguyễn Thu Hương	Nữ	01/11/1985	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Phát triển cảm biến điện hóa lai giữa polymer in dấu phân tử, polymer dẫn và vật liệu nano Ni-Co-Fe cho phát hiện chọn lọc kháng sinh	HDC: PGS.TS. Nguyễn Thái Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Lê Viết Hải Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
39	26N53103	Phạm Thanh Liêm	Nam	31/03/1997	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Tổng hợp và đánh giá tính năng điện hóa của vật liệu điện cực dương cấu trúc olivine khung nền phosphate và vật liệu điện cực âm carbon từ vỏ sầu riêng ứng dụng cho pin sạc Na-ion	HDC: PGS.TS. Trần Văn Mẫn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Lê Mỹ Loan Phụng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
40	26N53104	Hoàng Khánh Linh	Nữ	09/09/1995	9440119	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu chế tạo và đánh giá tính năng điện hóa của chất điện giải rắn/giá rắn (quasi-solid) sử dụng khung nền polymer PVdF-HFP ứng dụng cho pin sạc Li và Na	HDC: PGS.TS. Trần Văn Mẫn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Lê Mỹ Loan Phụng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
41	26N53105	Phùng Quán	Nam	01/01/1976	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Thiết kế xúc tác cho các phản ứng khử oxy (ORR) và giải phóng oxy (OER), làm rõ cơ chế bằng tính toán lượng tử và mô phỏng môi trường điện ly	HDC: PGS.TS. Trần Văn Mẫn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Mai Văn Thanh Tâm Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
42	26N53106	Nguyễn Minh Thu	Nữ	13/01/1999	9440119	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nâng cao tính năng điện hóa của vật liệu điện cực LiFePO ₄ thông qua pha tạp kim loại chuyển tiếp ứng dụng trong pin sạc Li-ion	HDC: PGS.TS. Trần Văn Mẫn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Lê Mỹ Loan Phụng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
43	26N53107	Huỳnh Thị Thanh Trúc	Nữ	24/10/1992	9440119	Hóa lý thuyết và hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu tính toán đa thang quá trình phân hủy formic acid trong sản xuất nhiên liệu hydrogen dựa trên xúc tác gốc palladium	HDC: TS. Phạm Ngọc Thanh Trường ĐH An Giang, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Phạm Trần Nguyễn Nguyễn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
44	26N53108	Nguyễn Thanh Tường Vy	Nữ	26/09/2000	9440119	Hóa lý thuyết và Hóa lý	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu chế tạo màng trao đổi ion trên nền polymer sinh học ứng dụng trong công nghệ hấp phụ	PGS.TS. Nguyễn Thái Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
45	26N62101	Nguyễn Kiều Uyên Vi	Nữ	20/05/1981	9420112	Sinh lý học thực vật	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Vai trò của amino acid, gibberellin và stress nước nhẹ trước thu hoạch trong điều hòa tăng trưởng và tích lũy hợp chất thứ cấp ở hoa đu đủ đực (<i>Carica papaya</i> L.)	TS. Trần Thị Thanh Hiền Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
46	26N64101	Nguyễn Thị Ngọc Lâm	Nữ	17/04/1988	9420107	Vĩ sinh vật học	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Phát triển phương pháp phát hiện <i>Aeromonas</i> spp. từ người bằng real-time PCR	PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
47	26N64102	Phạm Thị Mỹ Tiên	Nữ	18/01/1990	9420107	Vĩ sinh vật học	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Sàng lọc và nghiên cứu đặc điểm di truyền các chủng <i>Bacillus</i> spp. có khả năng ức chế <i>Staphylococcus aureus</i> kháng thuốc	PGS.TS. Nguyễn Đức Hoàng Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
48	26N64103	Lê Minh Triết	Nam	11/10/2003	9420107	Vĩ sinh vật học	CQ TTG 4 năm	12/2026 - 30/12/2030	Ức chế biểu hiện nucleocapsid phosphoprotein của SARS-CoV-2 bởi ligand nhắm mục tiêu G-quadruplex trong tế bào	PGS.TS. Phan Thị Phương Trang Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
49	26N66101	Nguyễn Văn Hương	Nữ	30/12/1993	9420121	Di truyền học	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu hoạt tính thủy phân protein của các chủng xạ khuẩn/ Di truyền vi sinh vật	HDC: TS. Nguyễn Hoàng Chương Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Trần Cát Đông Trường Đại học Nguyễn Tất Thành

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
50	26N67101	Đỗ Thúy Hạnh	Nữ	05/06/1999	9420201	Công nghệ sinh học	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Đánh giá sự đa dạng hệ vi sinh vật trong đất trồng lúa (<i>Oryza sativa</i> L.) tại hai vùng sinh thái khác nhau của Việt Nam ở các giai đoạn canh tác bằng kỹ thuật metagenomics	HDC: PGS.TS. Trịnh Ngọc Nam Trường ĐH Công nghiệp TP.HCM ĐHD: TS. Vũ Thị Lan Hương Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
51	26N67102	Huỳnh Đức Phát	Nam	30/06/1997	9420201	Công nghệ sinh học	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu tiền xử lý tế bào gốc trung mô nhằm nâng cao hiệu quả điều trị viêm đại trực tràng trên mô hình chuột gây bệnh bằng dextran sulfate sodium	PGS.TS. Vũ Bích Ngọc Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
52	26N71101	Mai Hoàng Đàm	Nam	05/10/1986	9440201	Địa chất học	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Phân khúc thượng nguồn, lĩnh vực tìm kiếm thăm dò, thăm dò tận thu, cụ thể trên cơ sở "Nghiên cứu, đánh giá địa tầng, môi trường lắng đọng và nguồn gốc vật liệu trầm tích phục vụ công tác dự báo chất lượng và phân bố đá chứa trong trầm tích Oligocene khu vực phía Tây bể Cửu Long	HDC: PGS.TS. Trần Văn Xuân Trường ĐH Bách Khoa, ĐHQG-HCM ĐHD: TS. Nguyễn Tuấn Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
53	26N71102	Đỗ Ngọc Thanh	Nam	29/3/1990	9440201	Địa chất học	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu cơ chế mất ổn định và dự báo rủi ro trượt lở mái dốc đá khu vực Nam Tây Nguyên trên cơ sở lý thuyết khối và kỹ thuật viễn thám tích hợp: thử nghiệm đọc tuyến quốc lộ 20 qua tỉnh Lâm Đồng	HDC: PGS.TS. Phạm Trung Hiếu Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: TS. Hồ Thu Hiền Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
54	26N81101	Sầm Đỗ Dũng	Nam	28/3/1986	9440303	Môi trường đất và nước	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Xây dựng khung phương pháp đánh giá rủi ro sinh thái để phát triển bền vững nuôi trồng thủy sản vùng ven biển	HDC: PGS.TS. Vũ Văn Nghị Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: TS. Lê Tân Cương Viện Môi trường & Tài nguyên TP.HCM
55	26N81102	Lê Đình Quyết	Nam	16/09/1974	9440303	Môi trường đất và nước	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Xây dựng phương pháp hiệu chỉnh sau số mưa từ radar so với dữ liệu trạm đo mưa mặt đất bằng công nghệ AI để tính toán lưu lượng dòng chảy về Hồ Dầu Tiếng	PGS.TS. Vũ Văn Nghị Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
56	26N82101	Nguyễn Thu Hiền	Nữ	21/11/1988	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	CQ KTT 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu khả năng hấp phụ kim loại nặng của vi nhựa và tác động của vi nhựa hấp phụ kim loại nặng lên một số loài động vật thủy sinh đặc trưng vùng của sông Sài Gòn- Đồng Nai nhằm đề xuất giải pháp quản lý	HDC: PGS.TS. Nguyễn Lan Hương Trường Đại học Công thương TP.HCM ĐHD: TS. Lê Tự Thành Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
57	26N82102	Phan Văn Tuấn	Nam	30/10/1987	9850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nhận dạng và định lượng tác động của biến đổi khí hậu và các hoạt động nhân sinh đến cơ chế thủy văn vùng đồng bằng sông Cửu Long	PGS.TS. Đặng Trường An Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
58	26N83101	Đặng Lâm Tuấn Cường	Nam	05/04/1990	9440122	Khoa học vật liệu (KHTN)	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu cấu trúc và tính chất nhiệt điện của vật liệu bán dẫn MoS_2	TS. Phạm Thanh Tuấn Anh Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
59	26N83102	Nguyễn Hoàng Nhi	Nữ	29/05/2000	9440122	Khoa học vật liệu (KHTN)	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu tính chất điện, nhiệt của vật liệu micro-nano oxide kim loại (Zn, Sn) tổng hợp từ dung môi xanh	HDC: TS. Phạm Thanh Tuấn Anh Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: PGS.TS. Phạm Kim Ngọc Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM

DANH SÁCH NGHIÊN CỨU SINH VÀ NGƯỜI HƯỚNG DẪN NGHIÊN CỨU SINH

Tại Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 07 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường ĐH Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

Stt	Mã số NCS	Họ và tên NCS	Giới tính	Ngày sinh	Mã số ngành	Tên ngành	Hình thức đào tạo	Thời gian đào tạo chuẩn	Đề tài nghiên cứu	Tập thể cán bộ hướng dẫn
60	26N84101	Trần Văn Nguyên	Nam	21/07/1995	9440122	Khoa học vật liệu (CN VLTT)	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu tính chất nhiệt điện của vật liệu ZnO pha tạp các nguyên tố đất hiếm	HDC: TS. Phạm Thanh Tuấn Anh Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM HDP: TS. Trần Quang Minh Nhật Viện Công nghệ VLTT, ĐHQG-HCM
61	26N84102	Nguyễn Hoàng Phương	Nam	05/05/1995	9440122	Khoa học vật liệu (CN VLTT)	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu chế tạo và điều khiển hình thái vật liệu nano CeO_2 nhằm xây dựng hệ dị thể quang xúc tác CeO_2/TiO_2 theo sơ đồ S(S-Scheme)	HDC: PGS.TS. Phạm Văn Việt Trường Đại học Công nghệ TP.HCM ĐHD: PGS.TS. Lê Viết Hải Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM
62	26N84103	Lê Thị Thùy Trang	Nữ	19/08/1996	9440122	Khoa học vật liệu (CN VLTT)	CQ TTG 3 năm	12/2026 - 30/12/2029	Nghiên cứu phát triển cảm biến điện hóa phi enzyme xác định cholesterol dựa trên graphene nanoribbon (GNRs) và nano hợp kim Pt-M (M=Ni, Co)	HDC: PGS.TS. Lê Viết Hải Trường ĐH KHTN, ĐHQG-HCM ĐHD: PGS.TS. Phạm Văn Việt Trường Đại học Công nghệ TP.HCM

Tổng cộng danh sách có 62 nghiên cứu sinh

TP.HCM
30/07/2026
V
H

**KẾ HOẠCH HỌC TẬP TOÀN KHÓA CHƯƠNG TRÌNH TIỀN SĨ
KHÓA NĂM 2026**

(Đính kèm Quyết định số 2053 /QĐ-KHTN, ngày 07 tháng 7 năm 2026
của Hiệu trưởng, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM)

1. Phương thức 1:

TT	Năm học	Các nội dung chính	Số tín chỉ		Ghi chú
			NCS đã có bằng ThS	NCS chưa có bằng ThS	
1	Năm thứ 1		≥ 30	≥ 30	
1.1		Học phần bổ sung			
		NCS chưa có bằng thạc sĩ		≥ 20	Do ĐVCM xét
		NCS đã có bằng thạc sĩ (nếu có)	≥ 3		Do ĐVCM xét
1.2		Học phần tiến sĩ			
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	
		Tiểu luận tổng quan	3	3	
		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu	24	4	
2	Năm thứ 2		30	≥ 30	
2.1		Học phần bổ sung			
		NCS chưa có bằng thạc sĩ		≥ 10	Do ĐVCM xét
2.2		Học phần nghiên cứu			
		Chuyên đề tiến sĩ 1	5		
		Chuyên đề tiến sĩ 2	5		
2.3		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)	20	20	
3	Năm thứ 3		30	30	
3.1		Học phần nghiên cứu			
		Chuyên đề tiến sĩ 1		5	
		Chuyên đề tiến sĩ 2		5	
3.2		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)	30	20	
4	Năm thứ 4			30	
		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)		30	
		TỔNG CỘNG	≥ 90	≥ 120	

2. Phương thức 2:

TT	Năm học	Các nội dung chính	Số tín chỉ		Ghi chú
			NCS đã có bằng ThS	NCS chưa có bằng ThS	
1	Năm thứ 1		≥ 30	≥ 30	
1.1		Học phần bổ sung			
		NCS chưa có bằng thạc sĩ		≥ 20	Do ĐVCM xét
		NCS đã có bằng thạc sĩ (nếu có)	≥ 3		Do ĐVCM xét
1.2		Học phần tiến sĩ			
		Phương pháp nghiên cứu khoa học	3	3	
		Tiểu luận tổng quan	3	3	
		Các môn học học phần tiến sĩ khác	≥ 4	≥ 4	
		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu	24	4	
2	Năm thứ 2		30 – 34	≥ 34	
2.1		Học phần bổ sung			
		NCS chưa có bằng thạc sĩ		≥ 10	Do ĐVCM xét
2.2		Học phần nghiên cứu			
		Chuyên đề tiến sĩ 1	3		
		Chuyên đề tiến sĩ 2	3		
2.3		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)	20	20	
3	Năm thứ 3		30	26	
3.1		Học phần nghiên cứu			
		Chuyên đề tiến sĩ 1		3	
		Chuyên đề tiến sĩ 2		3	
3.2		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)	30	20	
4	Năm thứ 4			30	
		Thực hiện luận án			
		Báo cáo kết quả nghiên cứu (các công bố khoa học)		30	
		TỔNG CỘNG	≥ 90	≥ 120	